TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2018/QĐST-HNGĐ	*Đam Rông, ngày 06 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa:

**** Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị T**; Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

**** Bị đơn***: Ông **Nguyễn Công H**; Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tùng Q sinh ngày 26 tháng 3 năm 2012 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Công H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nêu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

2.3 Về nợ chung: Do các bên đương sự tự thỏa thuận trách nhiệm trả nợ và Ngân hàng thương mại cổ phần bưu L không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003589 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đam Rông;
- CCTHADS H. Đam Rông;
- UBND xã Đ,
huyện R, tỉnh L.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình